

Số: 920/QĐ-SYT

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp mới Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
đối với Phòng khám Đa khoa Y học Bắc Giang
trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 06/02/2026 của Đoàn thẩm định theo Quyết định số 399/QĐ-SYT ngày 03/02/2026 của Giám đốc Sở Y tế Bắc Ninh đối với Phòng khám Đa khoa Y học Bắc Giang trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An, Biên bản kiểm tra việc khắc phục sau thẩm định ngày 25/3/2026, Biên bản làm việc ngày 17/4/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý hành nghề.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật và danh sách đăng ký hành nghề đối với Phòng khám Đa khoa Y học Bắc Giang trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An, cụ thể như sau:

- Số giấy phép hoạt động: 1159/BN-GPHĐ do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày 22/4/2026.

- Hình thức tổ chức: Phòng khám đa khoa.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2401023350 do Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang cấp ngày 05/6/2025; thay đổi lần thứ 1 ngày 26/6/2025.

- Địa chỉ hoạt động: Số 150 đường Xương Giang, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.



- Thời gian làm việc: Từ 07h đến 20h, thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần.

- Mã cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: 27301.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Đoàn Khắc Bảo, chứng chỉ hành nghề số 014045/HNO-CCHN do Sở Y tế thành phố Hà Nội cấp ngày 01/8/2014; Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại, Siêu âm ổ bụng.

- Quy mô cơ cấu tổ chức, gồm các chuyên khoa: Nội, Ngoại, Sản, Da liễu, YHCT, Chẩn đoán hình ảnh (Siêu âm) và Xét nghiệm.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Được phép thực hiện **115** danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (theo Phụ lục 01 đính kèm).

- Danh sách đăng ký hành nghề: 20 người hành nghề (theo Phụ lục 02 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám Đa khoa Y học Bắc Giang trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An có trách nhiệm tổ chức, triển khai đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật được phê duyệt, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định Bộ Y tế, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật khác liên quan trong quá trình hoạt động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng các Phòng, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Phòng khám Đa khoa Y học Bắc Giang trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- UBND phường Bắc Giang;
- Các phòng thuộc Sở;
- Công TTĐT Sở Y tế (để đăng tải);
- Bộ phận Một cửa Sở Y tế;
- Lưu: VT, QLHN.



Nguyễn Thị Thu Hương



PHỤ LỤC 1

**Danh mục kỹ thuật được phép thực hiện tại Phòng khám Đa khoa Y học
Bắc Giang trực thuộc Công ty TNHH dịch vụ Y tế Việt An**
(Kèm theo Quyết định số 920/QĐ-SYT ngày 22/4/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	STT theo TT23 (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên danh mục kỹ thuật (Cột 4)
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
1.	2	1.2	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
2.	3	1.3	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục
3.	5	1.5	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Làm test phục hồi máu mao mạch
4.	28	1.28	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
5.	57	1.57	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua gọng kính
6.	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
7.	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
8.	86	1.86	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
9.	221	1.221	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thụt tháo
10.	251	1.251	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
11.	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
12.	267	1.267	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)
13.	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
14.	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
15.	276	1.276	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương
II. NỘI KHOA				
16.	487	2.85	02. NỘI KHOA	Điện tim thường
17.	552	2.150	02. NỘI KHOA	Hút đờm hầu họng
18.	566	2.164	02. NỘI KHOA	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường
19.	590	2.188	02. NỘI KHOA	Đặt sonde bàng quang
20.	716	2.314	02. NỘI KHOA	Siêu âm ổ bụng
21.	739	2.337	02. NỘI KHOA	Thụt thuốc qua đường hậu môn
22.	740	2.338	02. NỘI KHOA	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
23.	741	2.339	02. NỘI KHOA	Thụt tháo phân



III. DA LIỄU				
24.	5489	5.44	05. DA LIỄU	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện
25.	5490	5.45	05. DA LIỄU	Điều trị hạt com bằng đốt điện
26.	5491	5.46	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện
27.	5492	5.47	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện
28.	5493	5.48	05. DA LIỄU	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện
29.	5494	5.49	05. DA LIỄU	Điều trị sần cục bằng đốt điện
30.	5495	5.50	05. DA LIỄU	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện
31.	5496	5.51	05. DA LIỄU	Điều trị u mềm lây bằng nạo tổn thương
IV. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
32.	5937	8.2	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Hào châm
33.	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
34.	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
35.	5943	8.8	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Ôn châm
36.	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
37.	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
38.	6416	8.481	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Giác hơi điều trị các chứng đau
V. NGOẠI KHOA				
39.	11756	10.555	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
40.	11748	10.547	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ
41.	11749	10.548	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
42.	11758	10.557	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản
43.	11766	10.565	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
44.	11612	10.411	10. NGOẠI KHOA	Cắt hẹp bao quy đầu
45.	12475	BS_10.1274	10. NGOẠI KHOA	Thay băng
46.	12476	BS_10.1275	10. NGOẠI KHOA	Cắt chỉ
47.	11767	10.566	10. NGOẠI KHOA	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (Condylome)
48.	11554	10.353	10. NGOẠI KHOA	Bơm rửa bàng quang
XIII. PHỤ SẢN				
49.	13365	13.40	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
50.	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
51.	13379	13.54	13. PHỤ SẢN	Chích áp xe tầng sinh môn
52.	13482	13.157	13. PHỤ SẢN	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
53.	13488	13.163	13. PHỤ SẢN	Chích áp xe vú
54.	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
55.	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
56.	13553	13.228	13. PHỤ SẢN	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
57.	13564	13.239	13. PHỤ SẢN	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
XVII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				



58.	5539	17.11	17. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	Điều trị bằng tia hồng ngoại
XVIII. ĐIỆN QUANG				
59.	14985	18.1	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tuyến giáp
60.	14986	18.2	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm các tuyến nước bọt
61.	14987	18.3	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
62.	14988	18.4	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm hạch vùng cổ
63.	14995	18.11	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm màng phổi
64.	14996	18.12	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
65.	14999	18.15	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
66.	15000	18.16	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
67.	15004	18.20	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
68.	15014	18.30	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
69.	15018	18.34	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu
70.	15019	18.35	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
71.	15020	18.36	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
72.	15027	18.43	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
73.	15028	18.59	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
74.	15038	18.56	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tuyến vú hai bên
75.	15043	18.59	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm tinh hoàn hai bên
76.	6419	18.50	18. ĐIỆN QUANG	Siêu âm dương vật
XXII. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU				
77.	16437	22.2	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time) bằng máy bán tự động
78.	16438	22.3	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time) bằng phương pháp thủ công
79.	16441	22.6	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) bằng máy bán tự động
80.	16444	22.9	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động
81.	16454	22.12	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động
82.	16454	22.19	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Thời gian máu chảy bằng phương pháp Duke
83.	16555	22.120	22. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
XXIII. HÓA SINH				
84.	17209	23.3	23. HÓA SINH	Định lượng Acid Uric



85.	17213	23.7	23.HÓA SINH	Định lượng Albumin
86.	17215	23.9	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ ALP
87.	17216	23.10	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ Amylase
88.	17225	23.19	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ ALT (GPT)
89.	17226	23.20	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ AST (GOT)
90.	17231	23.25	23.HÓA SINH	Định lượng Bilirubin trực tiếp
91.	17232	23.26	23.HÓA SINH	Định lượng Bilirubin gián tiếp
92.	17233	23.27	23.HÓA SINH	Định lượng Bilirubin toàn phần
93.	17235	23.29	23.HÓA SINH	Định lượng Calci toàn phần
94.	17236	23.30	23.HÓA SINH	Định lượng Calci ion hóa
95.	17247	23.41	23.HÓA SINH	Định lượng Cholesterol toàn phần
96.	17248	23.42	23.HÓA SINH	Định lượng Creatinin Kinase
97.	17249	23.43	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)
98.	17257	23.51	23.HÓA SINH	Định lượng Creatinin
99.	17264	23.58	23.HÓA SINH	Điện giải đồ (Na, K, Cl)
100.	17281	23.75	23.HÓA SINH	Định lượng Glucose
101.	17283	23.77	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)
102.	17290	23.84	23.HÓA SINH	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)
103.	17317	23.111	23.HÓA SINH	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)
104.	17318	23.112	23.HÓA SINH	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)
105.	17339	23.133	23.HÓA SINH	Định lượng Protein toàn phần
106.	17349	23.143	23.HÓA SINH	Định lượng sắt
107.	17364	23.158	23.HÓA SINH	Định lượng Triglycerid
108.	17372	23.166	23.HÓA SINH	Định lượng Urê
109.	17385	23.179	23.HÓA SINH	Định tính beta hCG (test nhanh)
110.	17412	23.206	23.HÓA SINH	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)
XIV. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG				
111.	17641	24.6	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Chlamydia test nhanh
112.	17655	24.74	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Helicobacter pylori Ab test nhanh
113.	17679	24.98	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	Treponema pallidum test nhanh
114.	17698	24.117	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HBsAg test nhanh
115.	17725	24.144	24. VI SINH - KÝ SINH TRÙNG	HCV Ab test nhanh

Tổng: 115 kỹ thuật.



PHỤ LỤC 2
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ TẠI PHÒNG KHÁM ĐA KHOA Y HỌC BẮC GIANG
THUỘC CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ Y TẾ VIỆT AN
(Kèm theo Quyết định số 920/QĐ-SYT ngày 22/4/2026 của Sở Y tế Bắc Ninh)

TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
1.	Đoàn Khắc Bạo	014045/HNO-CCHN	KBCB chuyên khoa Ngoại, Siêu âm ổ bụng	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật kiêm Trưởng phòng khám Ngoại	Không
2.	Trần Thị Thanh	001169/HNO-CCHN	KBCB chuyên khoa Nội	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ – Trưởng phòng khám Nội	Không
3.	Vi Thị Hằng	001799/PT-CCHN	KBCB Sản phụ khoa	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Trưởng phòng khám Sản phụ khoa	Không
4.	Trương Thị Thuận	006882/NĐ-CCHN	KBCB bằng Y học cổ truyền; chứng chỉ đào tạo PHCN	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Trưởng phòng khám YHCT	Không
5.	Phạm Thị Khuyên	010299/TB-CCHN	KBCB chuyên khoa Da liễu	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Trưởng phòng khám Da liễu	Không



TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
6.	Phạm Đình Trung	001063/TB-CCHN	Khám Chẩn đoán Xquang, Siêu âm	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Trưởng phòng Siêu âm	Không
7.	Vũ Thị Hoài Thu	004352/BYT-GPHN	CKI Xét nghiệm y học; Chứng chỉ an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm 22/12/2025	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Trưởng phòng Xét nghiệm	Không
8.	Nguyễn Dương Tân	003568/HNO-CCHN	KBCB chuyên khoa Ngoại	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ phòng khám Ngoại	Không
9.	Tạ Minh Tuấn	004907/HNO-GPHN	KBCB chuyên khoa ngoại	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Phòng khám Ngoại	Không
10.	Nguyễn Thị Duyên	012578/ĐNAI-CCHN	KBCB Nội khoa	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Phòng khám Nội	Không
11.	Ngô Thị Nhung	004281/HNO-GPHN	Chuyên khoa Phụ sản	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Bác sĩ - Phòng khám Sản	Không



TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
12.	Đặng Tuấn Anh	000873/HD- GPHN	Cử nhân Xét nghiệm y học; Chứng chỉ an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm 28/11/2025	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Nhân viên phòng Xét nghiệm	Không
13.	Đỗ Minh Hường	015953/HNO- CCHN	Thực hiện theo quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám Nội kiêm điều dưỡng trưởng phòng khám	Không
14.	Vũ Thị Chung	030145/HNO- CCHN	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BNV ngày 07/10/2015	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám Sản	Không
15.	Lê Thị Thơm	004083/LS- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám Da liễu	Không
16.	Lưu Thị Hà	000218/BN- GPHN	Điều dưỡng	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng Siêu âm	Không



Địa chỉ: Số 1, đường Nguyễn Cao, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

Email: [syт@bacninh.gov.vn](mailto:syt@bacninh.gov.vn); Website: <http://syт.bacninh.gov.vn>

TT	Họ tên	Số CCHN, GPHN	Phạm vi hành nghề	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở	Vị trí chuyên môn	Thời gian đăng ký hành nghề tại cơ sở KBCB khác (nếu có)
17.	Lê Thị Thư Linh	036207/HNO-CCHN	Điều dưỡng	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám YHCT	Không
18.	Nguyễn Thị Xuân Tụ	040579/CCHN-BQP	Điều dưỡng	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám Ngoại	Không
19.	Nguyễn Thị Kim Thu	0016629/HNO-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Điều dưỡng phòng khám Ngoại	Không
20.	Nguyễn Thị Nhâm	003773/NB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	Từ 07h đến 20h các ngày từ thứ Ba đến Chủ nhật hàng tuần	Y sỹ phòng khám YHCT	Không

